

Bản án số: 90/2022/DS-ST  
Ngày: 25/8/2022  
V/v tranh chấp “*hợp đồng dân sự về hụi*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Huy Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Phước Công

2. Bà Đào Thị Thu Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Tường Vi, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phước Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2021/TLST- DS ngày 17 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “*Hợp đồng dân sự về hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 250/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 249A/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2022; Thông báo mở lại phiên tòa số 19/2022/TB-TA ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị P, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, (Có mặt).

2. *Bị đơn:*

- Nguyễn Thị B.Ph (Nguyễn Bích P), sinh năm 1982; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; (Vắng mặt).

- Ông Lê Văn L, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, (Vắng mặt).

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Văng Thị Bích T, sinh năm 2001; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, lời khai thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Bùi Thị P trình bày:* Bà có làm chủ hội tại địa phương với tên là “Uyển”, do quen biết nên vợ chồng ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị B. Ph (Nguyễn Bích P) tham gia chơi nhiều dây hội, đóng được nhiều kỳ nhưng sau khi hốt hội ông L, bà Ph không châu lại tiền hội chết cho bà. Khi các dây hội mãn, do bà Ph, ông L không trả lại số tiền hội còn nợ nên bà cộng lại, các dây hội ông L, bà Ph nợ bà số tiền 150.000.000 đồng. Ông L, bà Ph đi làm xa, thỉnh thoảng có về nhà tại địa phương; Sau đó, bà có gặp trực tiếp ông L, ông L có thừa nhận việc vợ ông có tham gia chơi hội, đồng ý trả nợ hội cùng bà Ph, hai bên có làm tờ xác nhận và cam kết trả nợ, theo đó, ông L có ký tên vào biên bản cam kết. Hai bên thỏa thuận xác nhận số tiền ông L, bà Ph còn nợ 150.000.000 đồng và đã trả được 6.000.000 đồng; còn lại 144.000.000 đồng. Sau khi ký tên vào tờ cam kết ông L, bà Ph chưa trả số tiền nói trên cho bà. Bà đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng bà Ph, ông L cứ hẹn mà không trả cho bà.

Thời điểm bà Ph, ông L tham gia chơi hội và đến nay giữa bà Ph và ông L là vợ chồng hợp pháp, hôn nhân vẫn còn tồn tại, cả hai vợ chồng cùng tham gia chơi hội. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án buộc Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Bích Ph trả cho bà số tiền nợ hội là 144.000.000 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu), không yêu cầu tính lãi suất.

*Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là:* Bản photo 06 (sáu) sổ hội đã mãn (có danh sách hội viên kèm theo), tờ giấy ghi tiền hội còn thiếu (biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ).

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được triệu tập nhiều lần đến các phiên hòa giải, công khai chứng cứ nhưng đều vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến, không tiến hành hòa giải được.

Tại Biên bản xác minh của Tòa án vào cùng ngày 07/01/2022, ghi nhận: tại Ban ấp A, xã H được đại diện ban ấp cung cấp các đương sự vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ nêu trên, địa phương biết khi bà P (tên gọi khác là Uyển) làm chủ nhiều dây hội, đối với bị đơn Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Bích Ph thì đã đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà. Bên cạnh đó, tại Biên bản xác minh tại Công an xã Hội An xác nhận các đương sự Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Bích Ph vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện C, chưa chuyển khẩu đến nơi nào khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Bùi Thị P vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện của mình và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Do quen biết, bà Nguyễn Thị Bích Ph và ông Lê Văn L có tham gia chơi các dây hụi do bà Bùi Thị P làm chủ sau khi hốt hụi, ông L và bà Ph không châu hụi lại. Hai bên thỏa thuận, xác nhận còn nợ 150.000.000đồng, ông L, bà Ph đã trả được 6.000.000đồng, còn lại số tiền 144.000.000 đồng có làm biên nhận và cam kết ngày 30/01/2021 sẽ trả cho bà Ph. Bà Ph đã nhiều lần yêu cầu nhưng đến nay ông L, bà Ph vẫn chưa thực hiện. Do đó bà Ph khởi kiện, yêu cầu ông L và bà Ph trả cho bà số tiền 144.000.000đồng.

Bà Ph, ông L, bà Tr từ khi thụ lý vụ án đã được Tòa án thực hiện thủ tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo đúng quy định nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tuyết.

Xét thấy, căn cứ bà Ph khởi kiện là biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 12/02/2021 có chữ ký ông L với nội dung: ông L thừa nhận vợ chồng ông còn nợ bà Ph số tiền 150.000.000 đồng, đã trả được 6.000.000đồng và còn nợ lại 144.000.000đồng. Ông L hứa mỗi tháng sẽ trả dần cho bà Ph 2.000.000đồng cho đến khi trả xong nợ. Theo biên bản xác minh ngày 14/01/2022, xác định trong thời gian bà Ph tham gia các dây hụi do bà Ph làm chủ thì bà Ph và ông L là vợ chồng. Do đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và ông L biết việc bà Ph tham gia hụi, thừa nhận còn nợ bà Ph số tiền 144.000.000đồng và đồng ý cùng bà Ph trả tiền cho bà Ph. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà Ph, ông L vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Phương theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nên bà Ph khởi kiện là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự.

*Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 298, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, đề xuất:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Ph đối với bà Nguyễn Thị Bích Ph, ông Lê Văn L.

- Buộc bà Nguyễn Thị Bích Ph (Nguyễn Bích Ph) và ông Lê Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị P số tiền 144.000.000 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu).

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Theo đơn khởi kiện bà P yêu cầu các bị đơn Ph, L trả tiền nợ tiền hui. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp “hợp đồng dân sự về hui” là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về thẩm quyền*: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện C căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

[3] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bị đơn L, Ph tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt của những người này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung*:

[4.1] *Căn cứ xác lập và thực hiện hợp đồng*: Bà Bùi Thị P làm chủ hui ở địa phương, do có quen biết, vợ chồng ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Bích Ph có tham gia chơi hui tại các dây hui; sau khi hót hui, bà Ph, ông L không đóng lại tiền hui chết cho bà. Sau khi hui mãn, bà đã yêu cầu bà Ph, ông L trả tiền nợ hui nhưng bà Ph, ông L không thực hiện; bà có gặp trực tiếp ông L, ông L có thừa nhận việc vợ chồng ông có tham gia chơi hui, đồng ý trả nợ hui cùng bà Ph, ông L có ký tên vào biên bản cam kết, với nội dung: “Hai bên thỏa thuận xác nhận nợ 150.000.000 đồng và đã trả được 6.000.000 đồng; còn lại 144.000.000 đồng”. Đến nay ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Bích Ph chưa trả số tiền nói trên cho bà.

[4.2.] *Căn cứ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Nguyên đơn khởi kiện và cung cấp biên bản cam kết, với nội dung ông L thừa nhận có nợ tiền hui với số tiền 150.000.000 đồng, đã trả được 6.000.000 đồng, còn lại 144.000.000 đồng, ông L cam kết sẽ trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho bà Ph nhưng không thực hiện như cam kết. Thời điểm bà Ph tham gia chơi hui và đến nay giữa bà Ph và ông L là vợ chồng hợp pháp, hôn nhân vẫn còn tồn tại. Vì vậy, bà Ph yêu cầu Tòa án buộc Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Bích Ph trả cho bà số tiền nợ hui là 144.000.000 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu), không yêu cầu tính lãi suất.

Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu các bên cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng quá thời hạn ấn định phía bị đơn không có ý kiến phản hồi hay có văn bản trình bày ý kiến của mình. Ông L, bà

Ph vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không thể hiện ý kiến phản hồi về yêu cầu của Ph.

Mặt khác, bà Ph, ông L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ph về số tiền nợ hui. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của bà Ph là có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy, trên cơ sở tài liệu, chứng cứ bà Ph cung cấp có căn cứ chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Bích Ph trả cho bà Bùi Thị P số tiền nợ hui là 144.000.000 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu)

*[4.3.] Về lãi suất, do bà Phương không yêu cầu, không đề cập.*

*[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:*

*Căn cứ Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.*

Do yêu cầu được chấp nhận một phần nên bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0009935 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Bà P, ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch theo quy định pháp luật trên số tiền phải có nghĩa vụ trả cho bà P, cụ thể: 144.000.000 đồng x 5% = 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm nghìn).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các Điều 298, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.*

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị P đối với ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Bích Ph.

Buộc ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Bích Ph (Nguyễn Bích Ph) có nghĩa vụ trả số tiền nợ hui 144.000.000 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

## **2. Về án phí:**

Bà ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Bích Ph phải chịu 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bùi Thị Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Bùi Thị Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0009935 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

## **3. Quyền kháng cáo:**

Bà Bùi Thị P có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Đối với, ông L, bà Ph vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

## **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Huy Phong**